

Phụ lục
Mẫu công văn đề nghị công bố giá vật liệu xây dựng
(Kèm theo Công văn số /SXD-VLXD ngày /10/2021
của Sở Xây dựng)

**CÔNG TY TNHH
THÉP VINA KYOEI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/VKS-KKG
V/v đề nghị công bố giá
sản phẩm, hàng hóa ...
định kỳ tại Sở Xây dựng

TX. Phú Mỹ, ngày 11 tháng 04 năm 2023

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số :.....
	Ngày : 14 -04- 2023
Chuyển :.....	
Số và ký hiệu HS :.....	

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng (VLXD) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố);

Công ty TNHH Thép Vina Kyoeyi đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa định kỳ tại Sở Xây dựng, kèm theo các tài liệu như sau:

1. Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của đơn vị (bản chính) theo quy định tại Điều 6, Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13 (đính kèm).
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp.
3. Tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng của đơn vị đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu đề nghị công bố theo quy định tại Điều 23 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
4. Nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.
5. Tài liệu thể hiện việc duy trì kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do đơn vị sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định tại Điều 10, Điều 28, Điều 38 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Ví dụ: Phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc công nhận).



6. Đối với VLXD thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (VLXD nhóm 2), còn phải có các tài liệu sau theo quy định tại Điều 28, Điều 34, Điều 38 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (hiện nay là QCVN 16:2019/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng):

- Chứng nhận hợp quy của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.
- Bản công bố hợp quy của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu.
- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành nơi đơn vị sản xuất, nhập khẩu đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Dấu hợp quy được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao gói hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm hoặc trong chứng chỉ chất lượng, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

7. Danh sách các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa có đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư (nếu có).

8. Thông tin khác:

- Địa điểm đặt văn phòng Chi Nhánh của doanh nghiệp đề nghị công bố giá: 21 – 23 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

- Địa điểm đặt nhà máy sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố: Công ty TNHH Thép Vina Kyoei - KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Thông tin liên lạc của lãnh đạo Công ty và cán bộ phụ trách đăng ký công bố giá (họ và tên, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, số fax):

+ Cán bộ phụ trách: Nguyễn Song Minh Nga – Ms. (P. Kinh doanh) – SĐT: 0969.925.053 – Mail: minhnnga@vinakyoeisteel.com.vn

+ Cán bộ phụ trách: Mã Thị Sơn – Ms. (P. Kinh doanh) – SĐT: 0933.014.334 – Mail: thison@vinakyoeisteel.com.vn

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 06/04/2023 đến khi có thông báo mới.

Công ty TNHH Thép Vina Kyoei cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty TNHH Thép Vina Kyoel xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Chu Mai
TRƯỞNG PHÒNG KINH DOANH
SALES GENERAL MANAGER



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
SALES MARKETING & MANAGER

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Kèm theo công văn số 05 VKS-KKG ngày 11 tháng 04 năm 2023 của Công ty TNHH Thép Vina Kyoei)

1. Mức giá niêm yết:

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách (QCVN 7:2019/BKHCN)	Giá theo khu vực TP. HCM (trước thuế VAT)			Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ % tăng / giảm		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[...]	[...]
1	Thép cuộn Ø6,0 & Ø6,5	VND/Tấn	TCVN 1651-1:2018 CB240-T, CB300-T	17.500.000	17.100.000	-2,29	Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	Giá bán tại nhà máy chưa bao gồm thuế VAT 10%
	Thép cuộn Ø8,0	VND/Tấn		17.450.000	17.100.000	-2,01		
	Thép cuộn Ø6,0 & Ø6,5	VND/Tấn	ASTM A510/A510M-20 1006, 1008	17.500.000	17.100.000	-2,29		
	Thép cuộn Ø8,0	VND/Tấn		17.450.000	17.100.000	-2,01		
2	Thép thanh vằn: 10mm	VND/Tấn	TCVN 1651-2:2018 CB300-V	17.450.000	17.150.000	-1,72		
		VND/Tấn	JIS G 3112:2020 SD295	17.450.000	17.150.000	-1,72		
	Thép thanh vằn: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm, 25mm	VND/Tấn	TCVN 1651-2:2018 CB300-V	17.300.000	17.100.000	-1,16		
	Thép thanh vằn: 10mm	VND/Tấn	TCVN 1651-2:2018 CB400-V	17.550.000	17.150.000	-2,28		
	Thép thanh vằn: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm, 25mm, 28mm, 32mm	VND/Tấn		17.400.000	17.100.000	-1,72		
	Thép thanh vằn: 36mm	VND/Tấn		17.600.000	17.300.000	-1,70		
	Thép thanh vằn: 38mm, 40mm	VND/Tấn		17.700.000	17.400.000	-1,69		
	Thép thanh vằn: 10mm	VND/Tấn	JIS G 3112:2020 SD390	17.550.000	17.150.000	-2,28		
	Thép thanh vằn: 12mm, 13mm, 14mm, 16mm, 18mm, 19mm, 20mm, 22mm, 25mm, 28mm, 29mm, 32mm	VND/Tấn		17.400.000	17.100.000	-1,72		
	Thép thanh vằn: 35mm	VND/Tấn		17.600.000	17.300.000	-1,70		
	Thép thanh vằn: 41mm, 43mm	VND/Tấn		17.700.000	17.400.000	-1,69		
	Thép thanh vằn: 10mm	VND/Tấn	TCVN 1651-2:2018 CB500-T	17.600.000	17.150.000	-2,56		
	Thép thanh vằn: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm, 25mm, 28mm, 32mm	VND/Tấn	TCVN 1651-2:2018 CB500-T	17.450.000	17.100.000	-2,01		
	Thép thanh vằn: 36mm	VND/Tấn		17.650.000	17.300.000	-1,98		
	Thép thanh vằn: 40mm	VND/Tấn		17.750.000	17.400.000	-1,97		
	Thép thanh vằn: 10mm	VND/Tấn	JIS G 3112:2020 SD490	17.600.000	17.150.000	-2,56		
	Thép thanh vằn: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm, 25mm, 28mm, 32mm	VND/Tấn		17.450.000	17.100.000	-2,01		
	Thép thanh vằn: 36mm	VND/Tấn		17.650.000	17.300.000	-1,98		
	Thép thanh vằn: 40mm	VND/Tấn		17.750.000	17.400.000	-1,97		

3	Thép gân ren: 19mm, 22mm, 25mm, 28mm, 32mm	VND/Tấn	TCVN 1651-2:2018 CB400-T	17.400.000	17.100.000	-1,72	Công ty TNHH Thép Vina Kyoel	Giá bán tại nhà máy chưa bao gồm thuế VAT 10%
	Thép gân ren: 36mm	VND/Tấn		17.600.000	17.300.000	-1,70		
	Thép gân ren: 43mm	VND/Tấn		17.700.000	17.400.000	-1,69		
	Thép gân ren: 19mm, 22mm, 25mm, 28mm, 32mm	VND/Tấn	JIS G 3112:2020 SD390	17.400.000	17.100.000	-1,72		
	Thép gân ren: 35mm	VND/Tấn		17.600.000	17.300.000	-1,70		
	Thép gân ren: 38mm, 41mm, 43mm	VND/Tấn		17.700.000	17.400.000	-1,69		
4	Thép thanh tròn trơn: 14mm, 16mm, 18mm	VND/Tấn	JIS G 3101:2020 SS400	17.700.000	17.500.000	-1,13		
	Thép thanh tròn trơn: 20mm, 22mm, 25mm	VND/Tấn		17.800.000	17.600.000	-1,12		
	Thép thanh tròn trơn: 28mm, 30mm, 32mm	VND/Tấn		18.000.000	17.800.000	-1,11		
	Thép thanh tròn trơn: 36mm, 38mm, 40mm	VND/Tấn		18.200.000	18.000.000	-1,10		
5	Thép góc: 40x40x3mm / 40x40x4mm	VND/Tấn	JIS G 3192:2008	18.200.000	18.000.000	-1,10		
	Thép góc: 50x50x4mm / 50x50x5mm	VND/Tấn		18.200.000	18.000.000	-1,10		
	Thép góc: 60x60x5mm / 65x65x6mm	VND/Tấn		18.200.000	18.000.000	-1,10		
	Thép góc: 75x75x6mm / 75x75x8mm	VND/Tấn		18.200.000	18.000.000	-1,10		
	Thép góc: 100x100x10mm	VND/Tấn		18.300.000	18.100.000	-1,09		

Ghi chú:

- Giá trên là giá tại nhà máy, chưa bao gồm VAT (10%)
- Địa điểm giao hàng tại nhà máy sản xuất sản phẩm, vật liệu đề nghị công bố: Công ty TNHH Thép Vina Kyoel - KCN Phú Mỹ I, P. Phú Mỹ, TX. Phú Mỹ, T. Bà Rịa - Vũng Tàu

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện niêm yết giá (trường hợp thay đổi giá so với kỳ trước)

- Giá tăng/ giảm do biến động thị trường, giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất thép tăng/ giảm

3. Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu ... đối với các đối tượng khách hàng (nếu có): ...

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 06/04/2023 đến khi có thông báo mới.

Công ty TNHH Thép Vina Kyoel cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty TNHH Thép Vina Kyoel xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

**CÔNG TY
TNHH THÉP
VINA KYOEI**

Nguyễn Thị Thu Mai

**TRƯỞNG PHÒNG KINH DOANH
SALES GENERAL MANAGER**